

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng đường Tây Thăng Long đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng thuộc địa bàn quận Bắc Từ Liêm.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật) :

Bà Vũ Thanh Tú

- Hộ khẩu thường trú:

1 phần căn 404B1(D), Tập thể Thành Công, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

- Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật) :

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Hộ khẩu thường trú:

1 phần căn 404B1(D), Tập thể Thành Công, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

- Địa chỉ nơi thu hồi đất:

TPD Viên 3, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Số hộ gia đình, nhân khẩu đang sinh sống tại địa chỉ nơi thu hồi đất:

+ Số hộ gia đình (số cặp vợ chồng):

1 hộ;

+ Số nhân khẩu:

2 người;

- Tổng diện tích đất đang sử dụng:

94,9 m²;

Trong đó:

+ Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án:

94,9 m²;

Trong đó:

++ Đất cơ quan do Viện cây trồng (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội) quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.

86 m²;

++ Đất giao thông do UBND phường quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.

8,9 m²;

+ Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án:

0 m²;

- Vị trí thửa đất:

Vị trí 1, đường Phố Viên

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Đối với bà Vũ Thanh Tú

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất cơ quan do Viện cây trồng (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư Đất cơ quan do Viện cây trồng (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội) quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.	m2	60,0	12.528.000	20%	150.336.000	* Áp dụng vị trí 1 bảng giá số 5, Quyết định 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội; - Áp dụng chính sách theo Văn bản số 2946/UBND-TNMT của ngày 09/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội; - Không quá 60m2/chủ sử dụng.
2	Đất cơ quan do Viện cây trồng (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư Đất cơ quan do Viện cây trồng (nay là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội) quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.	m2	26,0			0	Không đủ điều kiện
3	Đất giao thông do UBND phường quản lý. Người sử dụng đất đã tự chuyển sang mục đích để ở từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2004.	m2	8,9	Không bồi thường		0	
Tổng cộng: (A)						150.336.000	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

Đối với bà Nguyễn Thị Huệ

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP (B): -/-

2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP:

STT	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Giá trị xây mới (đồng)	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có (%)	Mức bồi thường (%)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(7)x(11)x(12)	(14)
1	Nhà 01 tầng, tường 110 hỗ trợ, cao 3,1m, trần nhựa, trần thạch cao, mái tôn, nền lát gạch ceramic, có khu phụ, gác xếp gỗ:											Thời điểm xây dựng năm 2001 theo xác nhận số 07/GXN của UBND phường Cổ Nhuế 2 ngày 27/11/2020
-	Diện tích nhà trong chỉ giới: S = 88,2 m2	m2	88,2	2.620.000	231.084.000	20	21	0,0%	60%	50%	69.325.200	
-	Trần thạch cao: S = 11,6m2	m2	11,6	200.000	2.320.000	8	21	0,0%	60%	50%	696.000	
-	Trần nhựa: S = 64,3m2	m2	64,3	138.000	8.873.400	8	21	0,0%	60%	50%	2.662.020	
-	Gác xếp gỗ: S = 39,9m2	m2	39,9	474.000	18.912.600	8	21	0,0%	60%	50%	5.673.780	
2	Sân lát gạch ceramic: S = 4,0m2	m2	4	314.000	1.256.000	8	21	0,0%	60%	50%	376.800	
3	Sân bê tông: S = 2,3m2	m2	2,3	302.000	694.600	8	21	0,0%	60%	50%	208.380	
4	Mái vẩy tôn khung thép: S = 6,7m2	m2	6,7	457.000	3.061.900	8	21	0,0%	60%	50%	918.570	
5	Tường xây gạch 110 hỗ trợ, cao 4,0m: S = 7,9m2	m2	7,9	698.000	5.514.200	8	21	0,0%	60%	50%	1.654.260	
Tổng tiền (C):											81.515.010	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...) (D): -/-

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản:	Chủ sử dụng	1	5.000.000	5.000.000	
2	Hỗ trợ thêm để ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở	Khâu	2	2.880.000	5.760.000	
3	Hỗ trợ thuê nhà, địa điểm tạm cư:	-	-	-	-	
4	Hỗ trợ gia đình chính sách, gia đình đang hưởng trợ cấp xã hội khi phải di chuyển chỗ ở:	-	-	-	-	
5	Thưởng tiền độ bán giao mặt bằng:	-	-	-	-	
6	Hỗ trợ tái định cư (nếu có):	-	-	-	-	
Tổng tiền: (E)					10.760.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 ND 47/2014/ND-CP) (nếu có):

5. Phương án tái định cư: (G) Đủ điều kiện xét mua căn hộ chung cư tái định cư

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư:

Stt	Thông tin về căn hộ chung cư tái định cư	Diện tích căn hộ (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Hệ số	Số tiền phải nộp để mua căn hộ chung cư tái định cư (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)x(4)x(5)	(7)
1	Căn hộ số 2110 toà nhà A14B2 khu đô thị Nam Trung Yên	52,74	28.049.900	1,3	1.923.157.244	
	Tổng tiền: (F)				1.923.157.244	

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không đủ điều kiện

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D)+(E) 242.611.010 đồng

Trong đó: + Tổng số tiền BT, HT&TĐC đối với bà Vũ Thanh Tú là: 161.096.000 đồng

+ Tổng số tiền BT, HT đối với bà Nguyễn Thị Huệ là: 81.515.010 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (F)+(G) 1.923.157.244 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV) -1.680.546.234 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;
- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm tám mươi triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn, hai trăm ba mươi bốn đồng chẵn

Bắc Từ Liêm, ngày tháng 7 năm 2024
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân